TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-PT
Ngày: 03-02-2021
V/v tranh chấp hợp đồng gia công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Văn Viên.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Dựa.

Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Tính, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng gia công".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2020/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Quách Văn S, sinh năm 1965; địa chỉ: Khóm 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Chung Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Khóm 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Quách Văn S và bà Chung Thị N: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2020, có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Kim Thị Ngọc H, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H: Ông Thạch Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (theo văn bản ủy quyền ngày 17/6/2020, có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H: Ông Nguyễn Tấn L, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Quách Văn S và bà Chung Thị N trình bày: Vào năm 2015, vợ chồng ông bà có thỏa thuận gia công làm cửa chùa K với ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H, hai bên thỏa thuận làm hệ thống cửa với giá trị 360.000.000 đồng, việc thỏa thuận không có văn bản mà chỉ nói miệng, sau đó ông bà có tạm ứng tiền ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H 03 lần: Lần 1 vào ngày 12/3/2015 ứng 60.000.000 đồng, lần 2 vào ngày 22/5/2015 ứng 50.000.000 đồng và lần 3 vào ngày 28/8/2015 ứng 150.000.000 đồng, tổng cộng là 260.000.000 đồng. Sau khi hoàn thành gia công cửa cho chùa thì ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H không thanh toán cho ông bà số tiền 100.000.000 đồng còn lại. Ngoài ra, ngày 07/5/2017 ông bà có nhận 20.000.000 đồng tiền bù song cửa sổ (số tiền này không nằm trong hợp đồng gia công 360.000.000 đồng). Đến tháng 10/2017, ông bà có đến nhà ông Nguyễn Thanh H để yêu cầu thanh toán 100.000.000 đồng còn lại thì bà Kim Thị Ngọc H nói là đã trả đủ, nhưng chỉ mới đưa cho ông bà có 03 lần với số tiền 260.000.000 đồng, khi vợ chồng ông Nguyễn Thanh H giao tiền cho ông bà 03 lần này thì ông bà đều ghi biên nhận cho ông Nguyễn Thanh H. Nay ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H phải thanh toán cho ông bà số tiền còn thiếu là 100.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H trình bày: Ông bà thống nhất là có thỏa thuận bằng lời nói với ông Quách Văn S để gia công cửa cho chùa K, giá trị gia công hai bên thỏa thuận là 360.000.000 đồng. Ông bà đã thanh toán cho ông Quách Văn S và bà Chung Thị N 04 lần: Lần thứ nhất vào ngày 12/3/2015 là 60.000.000 đồng, lần thứ hai vào ngày 28/8/2015 là 150.000.000 đồng, lần thứ ba vào ngày 22/01/2016 là 50.000.000 đồng, lần thứ tư vào ngày 28/8/2016 là 100.000.000 đồng, tổng cộng là 360.000.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 07/5/2017 ông bà có trả thêm 20.000.000 đồng tiền bù song cửa sổ cho ông Quách Văn S và

bà Chung Thị N. Nay ông Quách Văn S và bà Chung Thị N yêu cầu vợ chồng ông bà trả 100.000.000 đồng thì ông bà không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2020/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 429, 542, 544, 552 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quách Văn S và bà Chung Thị N yêu cầu ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H trả số tiền còn thiếu là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H phải trả cho ông Quách Văn S và bà Chung Thị N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/6/2020, ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông bà trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng; yêu cầu áp dụng thời hiệu đình chỉ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút lại nội dung kháng cáo yêu cầu áp dụng thời hiệu đình chỉ vụ án, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến: Kiểm sát viên được phân công là bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên, còn Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là ông Trầm Văn Mừng nhưng không có quyết định phân công thay đổi Kiểm sát viên là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Việc thực hiện hợp đồng là cho Chùa K, bị đơn chỉ đại diện cho Chùa để giao kết hợp đồng, còn tiền thanh toán hợp đồng là của phật tử đóng góp do ông Thạch T là đại diện nhưng cấp sơ thẩm không đưa Chùa K và ông Thạch T đang ở Campuchia vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng. Các bên giao kết hợp đồng không có lập hợp đồng bằng văn bản nên không xác định được thời gian bắt đầu và kết thúc hợp đồng, không xác định được phương thức thanh toán. Tại biên bản đối chất (bút lục 34) thì nguyên đơn có thừa nhận có nhận của bị đơn trả số tiền 100.000.000 đồng. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xin rút kháng cáo về yêu cầu tính thời hiệu, xét việc rút kháng cáo là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo yêu cầu tính thời hiệu khởi kiện của bị đơn. Tại biên bản đối chất ngày 06/6/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm các bên đã thống nhất được số tiền đã trả 03 lần bằng 260.000.000 đồng, còn lại số tiền 100.000.000 đồng thì các bên chưa thống nhất, nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa trả, bị đơn cho rằng đã trả vào ngày 28/8/2016 nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh; tại biên bản hòa giải ngày 29/6/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T thì bị đơn cho rằng mỗi lần thanh toán tiền cho nguyên đơn đều có làm biên nhận cho bị đơn nhưng bị đơn không có lưu lại vì phải gửi cho anh, chị của bị đơn tại Campuchia để anh, chị của bị đơn chuyển tiền về cho bị đơn; cấp sơ thẩm đã thông báo cho bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng nhưng bị đơn không cung cấp được, từ đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H còn trong hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung vụ án:

[2] Nguyên đơn ông Quách Văn S và bà Chung Thị N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H trả cho ông bà số tiền còn lại của hợp đồng gia công mà bị đơn chưa thanh toán là 100.000.000 đồng; các đương sự đã thống nhất được số tiền hợp đồng là 360.000.000 đồng, bị đơn cho rằng đã trả xong số tiền 360.000.000 đồng cho nguyên đơn, bị đơn chỉ thừa nhận bị đơn có trả được số tiền 260.000.000 đồng, còn lại số tiền 100.000.000 đồng bị đơn chưa thanh toán, tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bị đơn có trả số tiền

100.000.000 đồng cho nguyên đơn. Từ đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn yêu cầu cấp phúc thẩm áp dụng thời hiệu đình chỉ giải quyết vụ án, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xin rút lại nội dung kháng cáo này, xét việc rút yêu cầu kháng cáo này của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn về nội dung yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[4] Vụ kiện này các bên tranh chấp về hợp đồng gia công được giao kết giữa nguyên đơn và bị đơn, việc thực hiện thanh toán tiền là giữa nguyên đơn với bị đơn nên không liên quan đến quyền lợi của Chùa K và của ông Thạch T nên không cần phải đưa vào tham gia tố tụng. Đối với việc thay đổi Kiểm sát viên được phân công và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa không có quyết định thay đổi là vi phạm thủ tục tố tụng, tuy nhiên vi phạm này của cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nhưng cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm trong quá trình giải quyết các vụ án.

[5] Từ các nhận định và phân tích nêu trên, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận; ý kiến của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H yêu cầu áp dụng thời hiệu đình chỉ vụ án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2020/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh về việc "Tranh chấp hợp đồng gia công" giữa nguyên đơn ông Quách Văn S và bà Chung Thị N với bị đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quách Văn S và bà Chung Thị N yêu cầu ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H trả số tiền còn thiếu là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H phải trả cho ông Quách Văn S và bà Chung Thị N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Quách Văn S và bà Chung Thị N 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017075 ngày 07/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh H và bà Kim Thị Ngọc H được miễn án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tống Văn Viên